

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 06-9-2023

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hồng Mỹ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Hòa

2. Bà Bùi Thị Cẩm

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Trần Phương Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 47/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 749/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 895/2023/QĐST-DS ngày 17 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn N, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi;

Địa chỉ tạm trú: 112/4, tổ D, khu phố E, phường Đ, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Anh Trần Ngọc G, sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn N, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi;

Nguyên đơn xin giải quyết vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05/10/2021, tại bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

Chị và anh Trần Ngọc G tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã P, thị xã Đ vào năm 2018. Sau khi kết hôn kinh tế khó khăn nhưng cuộc sống hôn nhân hạnh phúc, sau một thời gian chung sống chị và anh G bắt đầu xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và thiếu trách nhiệm của một người cha. Ngoài ra do anh G ngoại tình, nhiều lần về nhà đập phá đồ đạc trong gia đình. Đầu năm 2021 đến nay chị và anh G đã sống ly thân. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay anh G không hề liên lạc hỏi thăm vợ con. Giữa chị và anh G không thể trở về để tiếp tục chung sống. Bản thân anh G cũng bỏ bê không liên lạc với mẹ con chị mấy năm nay. Do vậy chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh G.

Về con chung: Vợ chồng chị D có 01 con chung tên Trần Ngọc Phương U, sinh ngày 04/01/2019, hiện nay chị D đang nuôi dưỡng, khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh G phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trần Ngọc G đã nhận được các thông báo của Tòa án nhưng anh không cung cấp văn bản ý kiến.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự:

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định. Bị đơn không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền: Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ nhận hồ sơ từ Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương chuyển đến do bị đơn đang cư trú tại thôn N, xã P, thị xã Đ để thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Trần Ngọc G; giao con chung cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết và nợ chung không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ nhận hồ sơ từ Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương chuyển đến theo đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị D, do bị đơn anh Trần Ngọc G ở thôn N, xã P, thị xã Đ để thụ lý

giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị D vắng mặt nhưng đã có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn anh Trần Ngọc G đã được triệu tập lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị D, anh G.

[3] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Trần Ngọc G tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã P, do vậy quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh G là hoàn toàn hợp pháp. Theo chị D nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và do anh Giàu c quan hệ ngoại tình, không quan tâm đến vợ con. Về phía anh G, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản của Tòa án nhưng anh không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu của nguyên đơn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh G để tham gia hòa giải nhưng anh vẫn không có mặt. Hiện tại chị D đã không còn tình cảm và không còn muốn chung sống với anh G. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh G đã ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D, cho chị D được ly hôn anh G.

[4] Về con chung: Vợ chồng chị D và anh Giàu c 01 con chung tên Trần Ngọc Phương U, sinh ngày 04/01/2019, khi ly hôn chị D yêu cầu được nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy cháu U hiện đang ở với chị D, về phía anh G không có ý kiến phản đối việc chị D nuôi con. Mặt khác từ khi vợ chồng ly thân đến nay con chung vẫn do chị D nuôi dưỡng. Do vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu U, Hội đồng xét xử xét thấy nên giao cháu U cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng: Chị D không yêu cầu cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị D khai không có.

[7] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

[8] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Trần Ngọc G.
2. Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Ngọc Phương U, sinh ngày 04/01/2019 cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Chị D không yêu cầu cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Trần Ngọc G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị D khai không có.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003530 ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- Chi cục THADS thị xã Đức Phổ;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- UBND xã Phổ Cường;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Hồng Mỹ

